

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2025

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 532/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 554/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Quốc T1, sinh năm 1981; HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Quốc T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/4/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại gia đình anh T1. Năm 2014, anh T1 đi lao động tại Hàn Quốc. Khoảng năm 2021, chị và anh

T1 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách, dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Chị và anh T1 không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Quốc T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Hà Hiền A, sinh ngày 21/10/2009 và Hà Châu G, sinh ngày 19/10/2012. Hiện các con chung đều đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là 3.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về phương thức cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh T1 chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị vào ngày 15 hàng tháng theo hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, bị đơn anh Hà Quốc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do vợ chồng mâu thuẫn từ lâu, không còn tình cảm nên chị T có đơn xin ly hôn, anh T1 đồng ý.

Về con chung: Anh T1 xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Do hiện nay anh T1 đang ở nước ngoài nên anh T1 nhất trí giao cả 02 con chung là Hà Hiền A, và Hà Châu G cho chị T nuôi dưỡng. Anh T1 đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là 3.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T, anh T1 đều vắng mặt và có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị T ly hôn anh Hà Quốc T1. Về con chung: Giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Hiền A, sinh ngày 21/10/2009 và Hà Châu G, sinh ngày 19/10/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T là 3.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm từ ngày 15/3/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Hà Quốc T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 gửi cho Tòa án Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 02/01/2025 chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh T1 trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 623/KL-KTHS ngày 06/3/2025 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: *“Dấu vân tay ký hiệu A1 in trên mẫu cần giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trỏ phải trên 01 Tờ khai chứng minh nhân dân, danh chỉ bản số 142008466 mang tên Hà Quốc T1 (mẫu so sánh) là của cùng một người. Dấu vân tay ký hiệu A2 in trên mẫu cần giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trỏ phải trên 01 Tờ khai chứng minh nhân dân, danh chỉ bản số 142008466 mang tên Hà Quốc T1 (mẫu so sánh) là của cùng một người”*. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong văn bản anh T1 gửi về đúng là ý chí, quan điểm của anh T1.

[1.3] Tại phiên tòa, chị T, anh T1 vắng mặt và đều có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Hà Quốc T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/4/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Năm 2014, anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do vợ chồng sống xa cách thời gian dài nên không còn tình cảm với nhau. Nay chị T và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Tạ Thị T và anh Hà Quốc T1 có 02 con chung là Hà Hiền A, sinh ngày 21/10/2009 và Hà Châu G, sinh ngày 19/10/2012. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn, chị T và anh T1 đều có quan điểm giao cháu Hiền A và cháu G cho chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 3.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh T1 đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiền A và cháu G, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh T1.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Hà Quốc T1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị T ly hôn anh Hà Quốc T1.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Tạ Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Hà Hiền A, sinh ngày 21/10/2009 và Hà Châu G, sinh ngày 19/10/2012 kể từ tháng 03/2025 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 3.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm kể từ ngày 15/03/2025 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh T1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt

quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0005253 ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Hà Quốc T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 chưa nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất